

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày

tháng 10 năm 2023

**BẢN TIN PHÁP LUẬT**  
**(Tuần 42)**

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

**I. Những chính sách mới có hiệu lực từ giữa tháng 10/2023**

**1. Lương viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp cao nhất 14,4 triệu đồng:**

Thông tư 07/2023/TT-BLĐTBXH quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực từ ngày 15/10/2023. Theo đó, viên chức được xếp lương vào các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư 07/2023/TT-BLĐTBXH được áp dụng bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp - Mã số: V.09.02.01, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3 nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính - Mã số: V.09.02.02, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số: V.09.02.03, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số: V.09.02.04, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp - Mã số: V.09.02.05, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3 nhóm 2 (A3.2), từ hệ số lương 5,75 đến hệ số lương 7,55.

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính - Mã số: V.09.02.06, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2 nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số: V.09.02.07, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số: V.09.02.08, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp - Mã số: V.09.02.09, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

Với mức lương cơ sở hiện hành là 1.800.000 đồng thì lương viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp cao nhất (hệ số 8.00) là 14.400.000 đồng.

## **2. Sửa quy định về yêu cầu hoạt động phòng giao dịch bưu điện:**

Thông tư 11/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 43/2015/TT-NHNN quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, có hiệu lực từ ngày 15/10/2023. Cụ thể, sửa đổi tên Điều 8 của Thông tư 43/2015/TT-NHNN từ "Điều 8. Điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện" thành "Điều 8. Yêu cầu hoạt động phòng giao dịch bưu điện".

Đồng thời điểm b khoản 4 Điều 1 Thông tư 11/2023/TT-NHNN sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 43/2015/TT-NHNN như sau:

Nhân sự tại phòng giao dịch bưu điện phải đảm bảo một trong các yêu cầu là có tối thiểu 03 người, trong đó có 01 người là kiểm soát viên hoặc chức danh tương đương làm nhiệm vụ kiểm soát, phê duyệt các giao dịch hàng ngày và là nhân sự của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Chậm nhất ngày 01/3/2024 mà không đáp ứng điều kiện này, phòng giao dịch bưu điện không được thực hiện hoạt động nhận tiền gửi tiết kiệm.

Việc xử lý các khoản tiền gửi tiết kiệm đã nhận trước đó được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 43/2015/TT-NHNN.

(Trong khi tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 43/2015/TT-NHNN quy định: Có tối thiểu 03 (ba) người, trong đó có 01 (một) người là kiểm soát viên hoặc chức danh tương đương làm nhiệm vụ kiểm soát và phê duyệt các giao dịch hàng ngày;

Đã tham gia khóa học đào tạo nghiệp vụ liên quan do Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt tổ chức (trừ trường hợp cán bộ tốt nghiệp từ trung cấp trở lên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng);

Đối với nhân sự giữ chức danh kiểm soát viên (hoặc chức danh tương đương), phải tốt nghiệp từ trung cấp trở lên trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.)

## **3. Chủ thể ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt:**

Nội dung đề cập tại Thông tư 16/2023/TT-BCT hướng dẫn về hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, có hiệu lực từ ngày 16/10/2023. Theo đó, quy định chủ thể ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt như sau:

- Chủ thể ký hợp đồng của Bên mua điện là người đại diện của Bên mua điện đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 104/2022/NĐ-CP) và có hồ sơ đề nghị đăng ký mua điện phục vụ mục đích sinh hoạt quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 104/2022/NĐ-CP gửi Bên bán điện.

- Trường hợp Bên mua điện gồm nhiều hộ sử dụng điện chung ký 01 hợp đồng thì chủ thể ký hợp đồng của Bên mua điện là đại diện số hộ dùng chung ký hợp đồng và có văn bản ủy quyền của các hộ dùng chung khác.

Các hộ dùng chung phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 104/2022/NĐ-CP.

Tại hợp đồng phải ghi rõ số hộ dùng chung (có danh sách kèm theo) và giá bán điện được áp dụng theo quy định về thực hiện giá bán điện do Bộ Công Thương ban hành.

- Trường hợp Bên mua điện là người thuê nhà để ở thì chủ thể ký hợp đồng của Bên mua điện được xác định theo quy định về thực hiện giá bán điện do Bộ Công Thương ban hành.

- Chủ thể ký hợp đồng của Bên bán điện là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của Đơn vị bán lẻ điện có lưới điện phân phối đủ khả năng cung cấp điện đáp ứng nhu cầu của Bên mua điện.

#### **4. Quy định quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế:**

Từ ngày 16/10/2023, Thông tư 59/2023/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế, có hiệu lực thi hành. Theo đó, quy định quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế như sau:

- Tổ chức thu phí là Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP.

Nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Đối với tổ chức thu phí là Bộ Y tế hoặc các đơn vị thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế:

+ Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

+ Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP thì được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP.

Nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

## **II. Những chính sách mới ban hành**

### **1. Hướng dẫn thực hiện chính sách giảm tiền thuê đất của năm 2023:**

Ngày 05/10/2023, Tổng Cục Thuế ban hành Công điện 08/CĐ-TCT về việc thực hiện Quyết định 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất của năm 2023. Tổng Cục thuế hướng dẫn thực hiện chính sách giảm tiền thuê đất:

Cơ quan thuế các cấp tổ chức tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ nội dung chính sách giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định 25/2023/QĐ-TTg.

Tổ chức tuyên truyền cho tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.

- Tại từng địa bàn quản lý thuế, cơ quan thuế chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, chi nhánh/văn phòng đại diện của VCCI,... để tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quyết định 25/2023/QĐ-TTg.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện Quyết định 25/2023/QĐ-TTg, đăng tải tài liệu hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Cục Thuế và gửi tài liệu hướng dẫn qua email cho các đối tượng này.

- Thông tin tuyên truyền phải thường xuyên, liên tục theo nhiều hình thức, bảo đảm người nộp thuế tiếp cận và hiểu rõ phạm vi, đối tượng, thời hạn, trình tự, thủ tục và quyền lợi khi thực hiện chính sách giảm tiền thuê đất.

- Tuyên truyền để người nộp thuế thực hiện đúng và kịp thời chính sách hỗ trợ của nhà nước, tháo gỡ khó khăn về tài chính cho người nộp thuế.

Thủ trưởng cơ quan thuế có trách nhiệm phân công các bộ phận có liên quan trong cơ quan thuế thực hiện cập nhật, tra cứu, rà soát, kiểm tra hồ sơ, đơn đốc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các trường hợp người nộp thuế không đủ điều kiện giảm tiền thuê đất theo quy định thì thông báo cho người nộp thuế biết để thực hiện nộp theo quy định pháp luật về tiền thuê đất hiện hành (không thực hiện theo Quyết định 25/2023/QĐ-TTg).

*Xem chi tiết tại Công điện 08/CD-TCT ngày 05/10/2023.*

## **2. Chế độ trợ cấp hàng tháng đối với chiến sĩ Công an nhân dân tham gia chống Mỹ đã xuất ngũ:**

Ngày 25/8/2023, Bộ Công an ban hành Thông tư 41/2023/TT-BCA quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương. Cụ thể, Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia chống Mỹ đã thôi việc, xuất ngũ tại địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng như sau:

- Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư 41/2023/TT-BCA thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng:

+ Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm;

+ Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương sau đó công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đủ điều kiện hoặc không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Cách tính hưởng

Trợ cấp hàng tháng được tính theo số năm công tác thực tế được tính hưởng chế độ; từ đủ 15 năm được trợ cấp hàng tháng mức 813.614 đồng/người/tháng, sau đó cứ thêm một năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 5%, cụ thể:

+ Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 813.614 đồng/người/tháng;

+ Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 854.295 đồng/người/tháng;

+ Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 894.975 đồng/người/tháng;

+ Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 935.656 đồng/người/tháng;

+ Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 976.337 đồng/người/tháng.

*Thông tư 41/2023/TT-BCA có hiệu lực từ ngày 10/10/2023.*

### **3. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt:**

Ngày 29/9/2023, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư 29/2023/TT-BGTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII của Thông tư 29/2023/TT-BGTVT.

- Bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý (khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử) các tài liệu sau:

- + Quyết định phê duyệt dự án hoặc văn bản giao nhiệm vụ chủ đầu tư công trình;
- + Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; ảnh chụp hiện trạng (đối với công trình cải tạo, nâng cấp);
- + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;
- + Văn bản pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định công trình không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường sắt;

Quyết định phê duyệt quy hoạch hoặc thỏa thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên có liên quan đến việc xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

- + Tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- + Phương án tổ chức thi công công trình và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình trong quá trình thi công.

Trình tự thực hiện cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt

- Chủ đầu tư dự án có nhu cầu xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trên môi trường điện tử đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 48 của Thông tư 29/2023/TT-BGTVT.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 48 của Thông tư này có trách nhiệm trả kết quả trong ngày làm việc về thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thực hiện qua môi trường điện tử, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 48 của Thông tư 29/2023/TT-BGTVT thông báo bằng văn bản hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các cơ quan, đơn vị liên quan để lấy ý kiến:

+ Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt khi xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt quốc gia;

+ Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị và các cơ quan chuyên môn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt đô thị.

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Quá thời hạn trên nếu tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã chấp thuận và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra.

- Thời gian giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Giấy phép xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV của Thông tư 29/2023/TT-BGTVT. Trường hợp không ban hành quyết định phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Trường hợp thực hiện trên môi trường điện tử, chủ đầu tư dự án có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt lập hồ sơ đề nghị gồm tệp tin chứa bản chụp chính hồ sơ, tài liệu quy định tại Điều 49 của Thông tư 29/2023/TT-BGTVT và thực hiện trên địa chỉ website: <https://dichvucong.mt.gov.vn>.

- Chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng quyết định trình tự thực hiện cấp giấy phép xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt chuyên dùng.

*Thông tư 29/2023/TT-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2023.*

#### **4. 04 mức xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị:**

Ngày 04/10/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Quy định 124-QĐ/TW về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị. Theo đó, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo 04 mức sau:

##### *1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*

Là tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật; là điển hình để tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo; các tiêu chí đánh giá đều đạt "Tốt" trở lên;

Trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Xuất sắc" bằng sản phẩm cụ thể.

- Đối với tập thể: Không có tổ chức trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật.

- Đối với cá nhân: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc được giao đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; trong đó có ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Ngoài các tiêu chuẩn chung, phải thực sự gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong lễ lối, phương pháp làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật; địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ;

Trong đó có ít nhất 50% chỉ tiêu (nhiệm vụ) cơ bản hoàn thành vượt mức; 100% cơ quan, đơn vị thuộc quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 70% số đơn vị xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

## *2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ*

Là tập thể, cá nhân có các tiêu chí được đánh giá đạt "Trung bình" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Tốt" trở lên bằng sản phẩm cụ thể.

- Đối với tập thể: Không có tổ chức trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

- Đối với cá nhân: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc được giao đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Ngoài các tiêu chuẩn chung, phải gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong, lễ lối, phương pháp làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật; địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mình trực tiếp phụ trách hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Trong đó có ít nhất 80% số lượng công việc được giao hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng; 100% cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

## *3. Hoàn thành nhiệm vụ*

Là tập thể, cá nhân có các tiêu chí cơ bản được đánh giá đạt "Trung bình" trở lên bằng sản phẩm cụ thể.

- Đối với tập thể: Không có tổ chức trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

- Đối với cá nhân: Các nhiệm vụ được giao đều hoàn thành, có không quá 20% số tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ.

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý

Ngoài các tiêu chuẩn chung, phải gương mẫu về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong, lễ lối, phương pháp làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật; địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mà mình trực tiếp phụ trách hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ; có ít nhất 70% số cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

#### 4. Không hoàn thành nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có các tiêu chí đánh giá ở mức "Kém" hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị

+ Có đơn vị trực thuộc xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

+ Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt trong năm và có các chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch giao (trừ trường hợp bất khả kháng).

+ Tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật hoặc có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm.

- Đối với tập thể lãnh đạo, quản lý

+ Bị cấp có thẩm quyền đánh giá, kết luận mất đoàn kết nội bộ; có thành viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

+ Địa phương, tổ chức, cơ quan, đơn vị do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt trong năm và có các chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch giao (trừ trường hợp bất khả kháng).

+ Bị xử lý kỷ luật hoặc thành viên bị kỷ luật trong năm (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

- Đối với cá nhân

+ Bị cấp có thẩm quyền kết luận có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi công tác.

+ Có trên 50% số tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm được đánh giá không hoàn thành.

+ Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu tín nhiệm theo quy định trong năm đánh giá.

+ Bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Địa phương, cơ quan, đơn vị, bộ phận, lĩnh vực mình trực tiếp phụ trách hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, đề ra hoặc xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ;

Hoặc cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền lãnh đạo, quản lý trực tiếp của mình liên quan đến tham nhũng, tiêu cực và bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

- Trường hợp tập thể, cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra từ năm trước, thời điểm trước nhưng đến thời điểm năm đánh giá, xếp loại mới bị cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật hoặc tập thể, cá nhân bị cấp có thẩm quyền quyết định tăng nặng hình thức kỷ luật trong năm đánh giá, xếp loại thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền căn cứ vào hình thức kỷ luật, nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể để xem xét đánh giá, xếp loại lại tại thời điểm xảy ra khuyết điểm, vi phạm.

- Trường hợp cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cơ quan, đơn vị cũ nhưng bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở cơ quan, đơn vị mới chuyển đến thì tính vào kết quả đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị cũ (không quy trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị mới).

- Trường hợp cá nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cả cơ quan, đơn vị cũ và cơ quan, đơn vị mới, bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở cơ quan, đơn vị cũ và cơ quan, đơn vị mới chuyển đến thì tính hình thức kỷ luật vào kết quả đánh giá, xếp loại theo thời điểm xác định hành vi vi phạm tại mỗi cơ quan, đơn vị.

*Xem chi tiết nội dung tại Quy định 124-QĐ/TW năm 2023 có hiệu lực từ ngày 04/10/2023.*

### **5. Hạn chế chuyển đổi trường mầm non, phổ thông bán công sang công lập:**

Ngày 03/10/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 16/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2020/TT-BGDĐT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong lĩnh vực giáo dục.

Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc đối tượng phải chuyển đổi theo quy định tại Thông tư 11/2009/TT-BGDĐT chưa thực hiện việc chuyển đổi thì phải hoàn thành việc chuyển đổi theo quy định tại Thông tư 11/2009/TT-BGDĐT trước ngày 30/6/2025.

Các đối tượng phải chuyển đổi bao gồm:

- Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công, dân lập sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục; cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập;

- Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông bán công sang cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

Nguyên tắc chuyển đổi trường mầm non bán công sang công lập

- Thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước; điều lệ, quy chế về tổ chức và hoạt động của các loại hình nhà trường mỗi cấp học;

- Đảm bảo các hoạt động giáo dục của nhà trường ổn định và phát triển, cơ sở vật chất được Nhà nước bảo trợ theo quy định của pháp luật; không gây gián đoạn quá trình học tập của người học; tạo điều kiện tốt hơn cho người học ở các vùng miền, phù hợp với thu nhập của các tầng lớp nhân dân; các đối tượng chính sách xã hội, người học vùng đồng bào dân tộc, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ học tập; từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và chế độ, chính sách đối với người dạy, người học và những người đã có đóng góp thực sự trong quá trình hình thành và phát triển nhà trường theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Các địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi để không còn loại hình trường bán công ở giáo dục mầm non; trường bán công, dân lập ở giáo dục phổ thông;

- Căn cứ vào quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân cấp tỉnh) xây dựng lộ trình, kế hoạch và xem xét, quyết định việc chuyển đổi loại hình trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

*Thông tư 16/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2023.*

## **6. Hướng dẫn triển khai in biên lai thu thuế, phí, lệ phí mẫu CTT50:**

Ngày 09/10/2023, Tổng cục Thuế đã có Công văn 4455/TCT-TVQT về việc hướng dẫn in biên lai thu thuế, phí, lệ phí mẫu CTT50. Cụ thể, để thống nhất toàn ngành về việc đặt in Biên lai thu thuế, phí, lệ phí mẫu CTT50, Tổng cục Thuế đã đưa ra các hướng dẫn như sau:

(1) Về mẫu biểu:

- Ký hiệu mẫu: CTT50

- Ký hiệu Biên lai:

+ 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phụ lục I.A, Thông tư 78/2021/TT-BTC và chỉ áp dụng đối với biên lai do Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đặt in.

+ 02 ký tự tiếp theo là nhóm hai trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y dùng để phân biệt các ký hiệu biên lai.

+ 01 ký tự tiếp theo (dấu “-”) phân cách giữa các ký tự đầu với ba ký tự cuối của biên lai.

+ 02 ký tự tiếp theo thể hiện hai số cuối của năm in biên lai. Ví dụ: biên lai in năm 2023 thì ghi là 23.

+ 01 ký tự cuối cùng thể hiện hình thức biên lai. Cụ thể: Biên lai đặt in ký hiệu là P.

Ví dụ: Ký hiệu 01AA-23P được hiểu là biên lai thu thuế, phí, lệ phí do Cục Thuế TP Hà Nội đặt in năm 2023.

- Số của biên lai là số thứ tự được thể hiện trên biên lai thu thuế, phí, lệ phí. Số biên lai được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 7 chữ số. Đối với biên lai đặt in thì số biên lai bắt đầu từ số 0000001.

- Kích thước: khổ 13cm x 19cm áp dụng theo kích thước Biên lai CTT50 (mẫu cũ) là phù hợp thực tế quản lý thu tại các địa phương.

- Loại giấy in: giấy poluya

- Liên biên lai: gồm 3 liên:

+ Liên 1: Báo soát (màu tím)

+ Liên 2: Giao người nộp thuế (màu đỏ)

+ Liên 3: Lưu (màu xanh)

Nội dung theo mẫu CTT50 tại Phụ lục I.C (Tham khảo mẫu đính kèm Công văn 4455/TCT-TVQT)

(2) Về kinh phí in biên lai thu thuế, phí, lệ phí mẫu CTT50:

Hàng năm, Cục Thuế căn cứ nhu cầu thực tế cần sử dụng biên lai thuế, phí, lệ phí mẫu CTT50, lập dự toán in gửi Tổng cục Thuế để xem xét cấp kinh phí theo quy định.

(3) Riêng đối với dự toán in CTT50 năm 2024 (Tổng cục Thuế đã hướng dẫn tại Công văn 3699/TCT-TVQT ngày 21/8/2023), đề nghị Cục thuế lập dự toán và gửi về Tổng cục Thuế trước ngày 15/10/2023.

Đối với Cục Thuế đã lập và gửi về Tổng cục Thuế trước thời điểm nhận được Công văn 4455/TCT-TVQT, Cục Thuế căn cứ vào hướng dẫn tại mẫu biểu nêu trên nếu có thay đổi về dự toán so với số đã lập, Cục Thuế lập và gửi lại Tổng cục Thuế để tổng hợp và giao dự toán in năm 2024 theo quy định.

(4) Trường hợp các Cục Thuế sử dụng biên lai theo hình thức tự in, biên lai điện tử thì vẫn tiếp tục sử dụng theo hướng dẫn tại Công văn 2455/TCT-DNNCN ngày 12/7/2022 về việc triển khai, vận hành hóa đơn, chứng từ điện tử.

*Xem chi tiết tại Công văn 4455/TCT-TVQT ngày 09/10/2023.*

## **7. Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo ngoại ngữ đi làm việc ở nước ngoài:**

Ngày 29/9/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 09/2023/TT-BLĐTBXH về định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo ngoại ngữ cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo 04 (bốn) ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật và tiếng Trung) cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, gồm:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Anh cơ bản (quy định tại Phụ lục số 01).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Anh trong công việc (quy định tại Phụ lục số 02).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Hàn cơ bản (quy định tại Phụ lục số 03).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Hàn trong công việc (quy định tại Phụ lục số 04).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Nhật cơ bản (quy định tại Phụ lục số 05).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Nhật trong công việc (quy định tại Phụ lục số 06).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Trung cơ bản (quy định tại Phụ lục số 07).

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo tiếng Trung trong công việc (quy định tại Phụ lục số 08).

Mục tiêu, nguyên tắc xây dựng và áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo ngoại ngữ cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là:

+ Lượng tiêu hao các yếu tố về lao động, thiết bị, vật tư và cơ sở vật chất để hoàn thành việc đào tạo cho 01 người học đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.

+ Được tính toán trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học viên, lớp học thực hành 18 học viên và thời gian đào tạo theo từng môn học cụ thể theo quy định tại Thông tư này.

- Định mức kinh tế kỹ thuật này được sử dụng làm cơ sở để xây dựng và ban hành giá của dịch vụ đào tạo ngoại ngữ cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân theo quy định tại Thông tư này căn cứ vào yêu cầu, điều kiện thực tế để áp dụng toàn bộ hoặc từng phần định mức ban hành kèm theo.

*Thông tư 09/2023/TT-BLĐTBXH có hiệu lực ngày 12/10/2023*

### **8. Danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư:**

Ngày 09/10/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa ban hành Thông tư 09/2023/TT-BKHĐT quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư gồm có 07 nhóm cụ thể như sau:

Nhóm 1: Đầu tư công

1. Số dự án và vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước
2. Số dự án thất thoát, lãng phí được phát hiện
3. Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản
4. Số dự án chậm tiến độ
5. Số dự án được đánh giá ban đầu theo quy định
6. Số dự án được đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn theo quy định
7. Số dự án được đánh giá kết thúc theo quy định
8. Số dự án được đánh giá tác động theo quy định
9. Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng có vấn đề kỹ thuật, không có hiệu quả

Nhóm 2: Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài

10. Số dự án đầu tư mới, số lượt dự án điều chỉnh vốn, số giao dịch góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và vốn đầu tư đăng ký

11. Số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

12. Lao động, doanh thu, lợi nhuận và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của các dự án đầu tư nước ngoài

13. Số dự án đầu tư mới, số lượt dự án điều chỉnh vốn và vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài

14. Vốn chuyển ra nước ngoài của các dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

15. Lao động, lợi nhuận chuyển về nước, thuế và các khoản phải nộp ngân sách của các dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

Nhóm 03: Quản lý vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi

16. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

17. Khoản viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

Nhóm 04: Quản lý đấu thầu

18. Tổng số gói thầu

19. Tổng giá gói thầu

20. Tổng giá trúng thầu

21. Tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu

22. Tổng số dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)

23. Tổng số dự án đầu tư có sử dụng đất không sử dụng nguồn vốn ngân sách thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

24. Tổng số dự án lựa chọn nhà đầu tư theo ngành, lĩnh vực

Nhóm 05: Quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp

25. Số lượng khu kinh tế đã được thành lập

26. Diện tích của các khu kinh tế

27. Số lượng khu công nghiệp đã thành lập

28. Diện tích của các khu công nghiệp

29. Vốn đầu tư đăng ký, vốn đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

30. Tình trạng hoạt động của nhà máy xử lý nước thải của khu công nghiệp

31. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường

32. Tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp

33. Số lao động trực tiếp làm việc tại các khu công nghiệp

Nhóm 06: Phát triển doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh

34. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

35. Số doanh nghiệp giải thể

36. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh

37. Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới

38. Tổng số lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới

39. Tỷ trọng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng số doanh nghiệp

40. Tỷ trọng doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia xuất khẩu, nhập khẩu trong tổng số doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, nhập khẩu

41. Tỷ trọng giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng sản phẩm trong nước

42. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

43. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa

44. Số lượt doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ

45. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ

46. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ

Nhóm 07: Kinh tế tập thể, hợp tác xã

47. Số hợp tác xã

48. Số thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

49. Số lao động thường xuyên của hợp tác xã

50. Doanh thu của hợp tác xã

51. Số cán bộ quản lý hợp tác xã

52. Số tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã

53. Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới

54. Số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, tạm ngừng hoạt động

*Xem chi tiết tại Thông tư 09/2023/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 và thay thế Thông tư 05/2017/TT-BKHĐT ngày 30/11/2017.*

### **9. Những thông tin của Bộ Công an được cung cấp trên môi trường mạng:**

Ngày 29/9/2023, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư 45/2023/TT-BCA quy định về cung cấp thông tin của lực lượng Công an nhân dân trên môi trường mạng. Theo đó, thông tin của Bộ Công an cung cấp trên môi trường mạng bao gồm những nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 42/2022/NĐ-CP và các nội dung sau:

- Thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của lãnh đạo Bộ Công an;

- Tình hình, kết quả các mặt công tác công an.

Nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí của Người phát ngôn Bộ Công an, Người được ủy quyền phát ngôn của Bộ Công an về các vấn đề liên quan đến công tác công an mà dư luận xã hội quan tâm;

- Thông tin về các vụ án, vụ việc đang được cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Bộ Công an, Công an cấp tỉnh điều tra, xác minh mà xét thấy việc cung cấp thông tin trên môi trường mạng là cần thiết;

- Nội dung Bộ Công an trả lời kiến nghị của cử tri;

- Lịch tiếp công dân của lãnh đạo Bộ Công an;

- Thông tin đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin sai lệch về Đảng, nhà nước, ngành Công an và công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật;

- Điểm tin Interpol;

- Thông tin về đối tượng truy nã, truy tìm;

- Thông tin về các tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố;

- Các thông tin chuyên đề;

- + Cảnh báo tội phạm;
- + Hướng dẫn tố giác tội phạm;
- + Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;
- + Xây dựng pháp luật;
- + Các điển hình tiên tiến, hình ảnh đẹp, gương người tốt, việc tốt, gương dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ Công an;
- + Các chuyên đề tuyên truyền khác phù hợp thực tiễn công tác;
- Thông tin về các dịch vụ công trực tuyến Bộ Công an đang triển khai thực hiện;
- Các thông tin khác do lãnh đạo Bộ Công an hoặc Chánh Văn phòng Bộ Công an quyết định.

*Xem nội dung chi tiết tại Thông tư 45/2023/TT-BCA có hiệu lực từ ngày 15/11/2023.*

### **10. Nội dung tuyên truyền Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam nhiệm kỳ 2023 - 2028:**

Ngày 02/10/2023, Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành Hướng dẫn 117-HD/BTGTW về tuyên truyền Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam nhiệm kỳ 2023 - 2028. Theo đó, Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn tuyên truyền Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam nhiệm kỳ 2023-2028 với các nội dung sau:

- Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh và xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết 20-NQ/TW và Kết luận 79-KL/TW ngày 25/12/2013; Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 12/6/2021.

- Vị trí, vai trò, sứ mệnh lịch sử, sự trưởng thành của giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn Việt Nam qua 12 kỳ đại hội; những thành tựu, đóng góp nổi bật của đội ngũ CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch về giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Kết quả nổi bật triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, nhiệm kỳ 2018 - 2023 trong các cấp Công đoàn; những mô hình hoạt động công đoàn hiệu quả; gương tập thể, cá nhân cán bộ công đoàn tiêu biểu, CNVCLĐ giỏi, có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng kiến, sáng tạo.

- Mục đích, ý nghĩa, chủ đề, tầm quan trọng của Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam, nhiệm kỳ 2023 - 2028; nội dung dự thảo các văn kiện trình Đại hội; các phong trào thi đua, các công trình, sản phẩm của đoàn viên, CNVCLĐ, các cấp công đoàn cả nước chào mừng Đại hội.

- Kết quả đại hội công đoàn các cấp; diễn biến, kết quả Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam; phương hướng hoạt động công đoàn và phong trào CNVCLĐ nhiệm kỳ 2023 - 2028; hoạt động quán triệt, học tập, triển khai Nghị quyết ngay sau khi kết thúc Đại hội.

*Xem chi tiết tại Hướng dẫn 117-HD/BTGTW ngày 02/10/2023.*

## **11. Hướng dẫn thanh toán thuốc, vật tư mua từ ngân sách cho khám, chữa bệnh BHYT:**

Ngày 09/10/2023, Bộ Y tế đã ban hành Công văn 6489/BYT-BH về việc hướng dẫn áp dụng Nghị quyết 129/NQ-CP năm 2023 liên quan thanh toán thuốc, vật tư mua từ ngân sách cho khám, chữa bệnh BHYT. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 129/NQ-CP năm 2023 về việc điều chuyển thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua từ nguồn ngân sách Nhà nước cho phòng, chống dịch COVID-19 sang nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Để làm rõ thêm việc áp dụng liên quan đến BHYT, Bộ Y tế hướng dẫn các cơ sở khám chữa bệnh về việc thanh quyết toán đối với thuốc, vật tư, sinh phẩm đã mua từ nguồn ngân sách nhà nước cho phòng chống dịch COVID-19 khi sử dụng cho khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh có thẻ BHYT như sau:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ được thanh toán với cơ quan BHXH và thu số tiền cùng chi trả của người bệnh có thẻ BHYT đối với các thuốc, vật tư, sinh phẩm thuộc danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán thuộc phạm vi được hưởng của người có thẻ BHYT theo đúng các quy định của pháp luật về BHYT.

Giá thanh toán thuốc, vật tư, sinh phẩm, thời điểm áp dụng giá thanh toán được thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Công văn 6037/BYT-KHTC năm 2023 của Bộ Y tế.

- Cơ sở khám chữa bệnh có trách nhiệm tổng hợp chi phí tiền thuốc, vật tư, sinh phẩm thuộc phạm vi chi trả của quỹ BHYT vào bảng tổng hợp đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT hằng tháng.

Tổng hợp báo cáo quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT hàng quý, gửi cơ quan BHXH để thanh toán, quyết toán theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Bảo hiểm y tế 2008.

- Số tiền thu được do quỹ BHYT chi trả và số tiền cùng chi trả của người bệnh có thẻ BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

*Xem thêm nội dung tại Công văn 6489/BYT-BH ban hành ngày 09/10/2023.*

## **12. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí lĩnh vực Khám chữa bệnh:**

Ngày 10/10/2023, Bộ Y tế ban hành Quyết định 3813/QĐ-BYT về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. Đơn cử TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí lĩnh vực Khám chữa bệnh (TTHC cấp trung ương) gồm:

- Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người nước ngoài: 430.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Bộ y tế: 430.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 430.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 430.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền): 3.100.000 đồng/hồ sơ.

- Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền): 3.100.000 đồng/hồ sơ.

- Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế (Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền): 3.100.000 đồng/hồ sơ.

*Xem chi tiết tại Quyết định 3813/QĐ-BYT có hiệu lực ngày 16/10/2023.*

### **13. Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới:**

Ngày 10/10/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết 41-NQ/TW về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới. Mục tiêu xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới

- Mục tiêu tổng quát

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý, có tầm nhìn, trí tuệ, đạo đức, tinh thần kinh doanh, làm giàu chính đáng, năng động, sáng tạo, năng lực quản trị tiên tiến, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, văn hóa kinh doanh mang bản sắc dân tộc;

Có trách nhiệm xã hội, ý thức bảo vệ môi trường, đóng góp xứng đáng cho các mục tiêu phát triển đất nước.

- Mục tiêu đến năm 2030

Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phấn đấu ngày càng có nhiều doanh nghiệp đạt tầm khu vực, một số doanh nghiệp đạt tầm thế giới; một số doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt; một số doanh nghiệp có vị thế, vai trò quan trọng trong

chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu, làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn.

- Tầm nhìn đến năm 2045

Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam có quy mô, năng lực và trình độ đáp ứng mục tiêu quốc gia phát triển, thu nhập cao, có vị thế, uy tín khu vực và quốc tế;

Một bộ phận doanh nghiệp có thương hiệu thế giới, dẫn dắt một số chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thực hiện mục tiêu phát triển đất nước;

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, bình đẳng cho doanh nhân, doanh nghiệp phát triển và cống hiến;

- Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh ngang tầm mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới;

- Xây dựng đạo đức, văn hóa kinh doanh, phát huy tinh thần dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc;

- Tăng cường đoàn kết, hợp tác, liên kết giữa doanh nhân với công nhân, nông dân, trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng;

- Phát huy vai trò của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức đại diện đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp;

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ doanh nhân.

*Xem chi tiết tại Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 10/10/2023.*

**14. Lộ trình thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực đến 2030:**

Ngày 11/10/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 168/NQ-CP về Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2023. Theo đó, lộ trình thực hiện chiến lược phòng chống tham nhũng, tiêu cực quốc gia đến năm 2030 bao gồm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất (từ năm 2023 đến năm 2026):

+ Trong giai đoạn này tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó tập trung nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung khắc phục những sơ hở bất cập của pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để đề xuất các nhiệm vụ cụ thể trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội Khóa XV, Khóa XVI; chú trọng nâng cao năng lực, hiệu quả trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

+ Hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2023 - 2026 (có Kế hoạch kèm theo) và sơ kết việc thực hiện vào năm 2026.

- Giai đoạn thứ 2 (từ năm 2026 đến năm 2030):

+ Phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn thứ nhất. Trên cơ sở sơ kết, căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng và tình hình thực tiễn xây dựng Kế hoạch cụ thể để thực hiện Chiến lược giai đoạn 2026 - 2030 và đẩy mạnh thực hiện toàn diện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược.

+ Tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2031.

Mục tiêu của Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030

Mục tiêu của Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 bao gồm các nội dung như sau:

- Mục tiêu chung:

Ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, liêm chính; giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhất là những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực;

+ Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, kỷ cương, liêm chính;

+ Tăng cường các biện pháp phòng ngừa; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh mọi hành vi tham nhũng, tiêu cực, thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát;

+ Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan báo chí, truyền thông; huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng gắn với thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

*Xem chi tiết tại Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11/10/2023.*

### **15. Sửa đổi 02 thủ tục về quản lý khai thác cảng cạn từ ngày 27/11/2023:**

Ngày 11/10/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, trong đó sửa đổi 02 thủ tục về quản lý khai thác cảng cạn tại Nghị định 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017. Thủ tục công bố tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn từ ngày 27/11/2023 như sau:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cảng cạn gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam.

Hồ sơ gồm Tờ khai tạm dừng hoạt động hoặc đóng cảng cạn theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định 74/2023/NĐ-CP.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản quyết định công bố tạm dừng hoạt động hoặc đóng cảng cạn. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Sửa đổi thủ tục đổi tên cảng cạn từ ngày 27/11/2023

Thủ tục đổi tên cảng cạn từ ngày 27/11/2023 sẽ được thực hiện như sau:

- Chủ đầu tư hoặc người quản lý khai thác cảng cạn gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng hải Việt Nam.

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên cảng cạn chưa phù hợp thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng cạn để hoàn thiện hồ sơ cho phù hợp.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định đổi tên cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

*Nghị định 74/2023/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 27/11/2023.*

## **16. Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045:**

Ngày 09/10/2023, Thủ tướng ban hành Quyết định 1165/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030 có một số mục tiêu cụ thể như:

+ Phân đấu 100% thuốc được cung ứng chủ động, kịp thời cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh.

+ Thuốc sản xuất trong nước phân đấu đáp ứng khoảng 80% nhu cầu sử dụng và 70% giá trị thị trường. Tiếp tục phân đấu đạt mục tiêu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất thuốc trong nước.

+ Vắc xin sản xuất trong nước đáp ứng 100% nhu cầu cho tiêm chủng mở rộng và 30% nhu cầu cho tiêm chủng dịch vụ.

+ Phân đấu trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm giá trị cao trong khu vực.

+ Tiếp nhận chuyển giao công nghệ, gia công có phối hợp chuyển giao công nghệ sản xuất ít nhất 100 thuốc biệt dược gốc, vắc xin, sinh phẩm bao gồm cả sinh phẩm tương tự và một số thuốc mà Việt Nam chưa sản xuất được.

+ Xây dựng được 08 vùng khai thác bền vững dược liệu tự nhiên và 02 - 05 vùng trồng sản xuất dược liệu quy mô lớn.

+ Đạt chứng nhận mức độ 3 trở lên của WHO về năng lực của cơ quan quản lý nhà nước đối với thuốc hóa dược, duy trì và nâng cao chứng nhận của WHO về năng lực của cơ quan quản lý nhà nước đối với vắc xin.

+ Duy trì bền vững tỷ lệ 100% cơ sở kinh doanh thuốc đáp ứng tiêu chuẩn thực hành tốt; phân đấu 100% cơ sở kiểm nghiệm thuốc, kiểm định vắc xin và sinh phẩm đạt tiêu chuẩn thực hành phòng thí nghiệm tốt (GLP); 20% cơ sở sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP, PICs-GMP hoặc tương đương.

+ Đạt tỷ lệ 4,0 dược sĩ/1 vạn dân, trong đó dược sĩ được đào tạo về chuyên ngành dược lâm sàng đạt tối thiểu 20%.

Định hướng đến năm 2045 của Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam. Theo đó, mục tiêu của Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2045 gồm:

+ Thuộc sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và nâng cao giá trị xuất khẩu, hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

+ Chủ động sản xuất được các thuốc chuyên khoa đặc trị, thuốc mới, thuốc biệt dược gốc, vắc xin, sinh phẩm và nguyên liệu làm thuốc.

+ Có thuốc biệt dược gốc từ nguồn dược liệu trong nước được nghiên cứu, sản xuất và đăng ký bản quyền.

+ Phần đầu tổng giá trị ngành công nghiệp dược đóng góp vào GDP trên 20 tỷ USD.

+ Hệ thống kiểm nghiệm, phân phối thuốc, công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc và cảnh giác dược đạt trình độ tương đương các nước tiên tiến trên thế giới.

*Xem chi tiết Quyết định 1165/QĐ-TTg có hiệu lực từ 09/10/2023.*

### **17. Dược sử dụng băng tần 1920-1980 MHz theo tiêu chuẩn IMT-2000 đến hết ngày 14/9/2028:**

Ngày 10/10/2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 12/2023/TT-BTTTT về quy hoạch băng tần cho hệ thống thông tin di động IMT, trong đó có nội dung được sử dụng băng tần 1920-1980 MHz theo tiêu chuẩn IMT-2000 đến hết ngày 14/9/2028. Theo đó, băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz được sử dụng để triển khai các hệ thống thông tin di động theo tiêu chuẩn IMT-2000 và các phiên bản tiếp theo đến hết ngày 14/9/2028.

Từ ngày 15/9/2028, các băng tần này được sử dụng để triển khai các hệ thống thông tin di động theo tiêu chuẩn IMT-Advanced và các phiên bản tiếp theo.

Quy hoạch băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz

Quy hoạch băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz để triển khai hệ thống thông tin di động theo tiêu chuẩn IMT như sau:

- Đoạn băng tần 1920-1980 MHz được dành cho băng tần đường lên, phân chia thành 04 khối là B1, B2, B3, B4 có độ rộng 15 MHz mỗi khối;

- Đoạn băng tần 2110-2170 MHz được dành cho băng tần đường xuống, phân chia thành 04 khối là B1, B2, B3, B4 có độ rộng 15 MHz mỗi khối;

- Giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz là 2x15 MHz theo phương thức truyền dẫn song công phân chia theo tần số (FDD2), trừ trường hợp cấp phép sử dụng đối với khối băng tần được xem xét cấp lại mà sử dụng chung tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện 2022.

Các tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần trong băng tần 1920-1980 MHz và 2110-2170 MHz có trách nhiệm phối hợp với nhau để phòng tránh nhiễu có hại.

Thông tư 12/2023/TT-BTTTT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/11/2023.

Quyết định 03/2005/QĐ-BBCVT ngày 17/01/2005 về việc phê duyệt quy hoạch băng tần cho hệ thống thông tin di động IMT-2000 của Việt Nam đến năm 2015 trong dải tần 1900-2200 MHz hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

## **18. Các vị trí công tác định kỳ chuyển đổi lĩnh vực xây dựng tại địa phương:**

Ngày 03/10/2023, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư 08/2023/TT-BXD quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc trong lĩnh vực xây dựng. Theo đó, danh mục vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực xây dựng tại chính quyền địa phương phải thực hiện định kỳ chuyển đổi bao gồm:

- Cấp giấy phép trong lĩnh vực xây dựng:
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng; cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới công trình; cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo công trình; cấp giấy phép di dời công trình;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc; công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
- Thẩm định dự án xây dựng:
  - + Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh;
  - + Thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.
- Quản lý quy hoạch xây dựng:
  - + Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng;
  - + Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng.
- Quản lý, giám sát chất lượng các công trình xây dựng:
  - + Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;
  - + Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đề nghị cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình xây dựng; cho ý kiến về các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp.

- Thẩm định, lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát, điều phối, đền bù, giải phóng mặt bằng.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Theo đó, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức công tác thuộc Bộ Xây dựng là từ đủ 03 năm đến 05 năm.

Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm cấp có thẩm quyền ban hành văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với công chức, viên chức.

*Thông tư 08/2023/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 20/11/2023.*

### **19. Nội dung đề thi học sinh giỏi cấp quốc gia theo quy chế mới:**

Ngày 10/10/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 17/2023/TT-BGDĐT về quy chế thi chọn học sinh giỏi Quốc gia. Trong một kỳ thi, mỗi bài thi/môn thi có một đề thi chính thức và một đề thi dự bị với mức độ tương đương nhau; không có dạng đề tự chọn đối với mỗi môn thi.

Về nội dung đề thi:

- Nội dung đề thi phải nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông, nội dung dạy học các môn chuyên cấp THPT; riêng kỳ thi chọn đội tuyển Olympic, nội dung thi tiếp cận với Olympic quốc tế và khu vực.

- Nội dung đề thi phải bảo đảm chính xác, khoa học, phân loại được trình độ thí sinh.

- Đề thi các môn Vật lí, Hóa học và Sinh học trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia có nội dung câu hỏi đánh giá kỹ năng, năng lực thực hiện thí nghiệm, thực hành của thí sinh.

- Đề thi kỳ thi chọn đội tuyển Olympic phải đạt được yêu cầu tiếp cận với cấu trúc và phạm vi kiến thức của đề thi trong các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

Về hình thức, đề thi phải được diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, không gây hiểu nhầm; phải ghi rõ có mấy trang, đánh số từng trang và có chữ "HẾT" tại nơi kết thúc đề thi.

Đề thi chính thức, dự bị và hướng dẫn chấm kèm theo đề thi chưa công khai thuộc danh mục bí mật nhà nước độ “Tối mật”. Theo đó, thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước độ “Tối mật” đối với đề thi chỉ kết thúc khi hết thời gian làm bài thi.

Đề thi dự bị chưa sử dụng, được giải mật sau khi kết thúc buổi thi cuối cùng của mỗi kỳ thi.

Đề thi chính thức của kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và đáp án kèm theo được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT sau khi công bố kết quả thi. Ngoài ra, đề thi đề xuất là căn cứ tham khảo quan trọng cho Hội đồng ra đề thi.

Đề thi đề xuất do một số nghiên cứu viên, giảng viên, giáo viên có uy tín khoa học và năng lực chuyên môn tốt đã hoặc đang công tác ở các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, viện nghiên cứu, hội chuyên ngành soạn thảo theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

Nội dung của đề thi đề xuất phải đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Điều 5 Quy chế này; đề thi đề xuất phải được chính người ra đề thi đề xuất niêm

phong và gửi Cục QLCL và phải được giữ bí mật tuyệt đối về nội dung, không được phép công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

*Thông tư 17/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 25/11/2023 và thay thế Thông tư 56/2011/TT-BGDĐT ngày 25/11/2011, Thông tư 41/2012/TT-BGDĐT ngày 19/11/2012, Thông tư 37/2013/TT-BGDĐT ngày 27/11/2013, Thông tư 02/2023/TT-BGDĐT 06/01/2023.*

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Công Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hung)

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Hoàng Văn Phiên**